

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨ THƯ'  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HSST

Ngày 22/9/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hà Toàn Thắng
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa - Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;

Ông Phạm Đức Hiền - Xã đội trưởng xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý 45/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HS ngày 08/9/2021 đối với bị cáo:

**Nguyễn Hoài N**, sinh ngày: 06/9/1999, giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn L, xã V, huyện V, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 8/12, nghề nghiệp: lao động tự do; Họ tên bố: Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, trú tại thôn L, xã V, huyện V, tỉnh T; họ tên mẹ: Đỗ Thị M, sinh năm 1976, trú tại thôn C, xã X, huyện V, tỉnh T. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 04/9/2015 bị Công an quận N, Thành phố H xử phạt hành chính (cảnh cáo) do có hành vi trộm cắp tài sản (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1459/QĐ-XPCLBB). Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/5/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V (Có mặt)

\* ***Bị hại:*** Cháu Ngô Cao C, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004; Nơi cư trú: thôn L, xã V, huyện V, tỉnh T; (Vắng mặt).

***Người đại diện hợp pháp của cháu C:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Nơi cư trú: thôn L, xã V, huyện V, tỉnh T (là mẹ đẻ của cháu C); (Vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của chị H:* Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1940; Nơi cư trú: thôn L, xã V, huyện V, tỉnh T (Có mặt).

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh T (Có mặt).

*\* Người làm chứng:*

- Cháu Phạm Quang H, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2005; nơi cư trú: thôn L, xã V, huyện V, tỉnh T (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu H: Anh Phạm Quang H1, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn L, xã V, huyện V, tỉnh T (là bố đẻ của cháu H) (Có mặt).

- Anh Nguyễn Duy N, sinh năm 1988; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã X, huyện V, tỉnh T;

- Anh Vũ Minh H, sinh năm 1997; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã X, huyện V, tỉnh T

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoài N và cháu Ngô Cao C, sinh ngày 20/11/2004, trú tại: thôn L, xã V, huyện V, tỉnh T do ở gần nhà nên có quen biết với nhau từ trước. Trưa ngày 19/5/2021, N nhờ cháu C chở tới quán trà sữa Garden Tea ở xã H, huyện V, tỉnh T của anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1996, trú tại thôn M, xã V để mua trà sữa và đồ ăn vặt. Trên đường về, N nhờ cháu C buổi chiều đến nhà chở N đến điểm đón xe ô tô khách để đi thành phố H. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, cháu C rủ cháu Phạm Quang H sinh ngày 15/01/2005 ở cùng thôn đến nhà N, mỗi người đi một xe máy điện. N đưa cho cháu C 60.000 đồng nhờ tới quán Garden Tea để mua trà sữa và đồ ăn vặt. Sau khi đưa tiền cho cháu C, thấy trong ví chỉ còn hơn 100.000 đồng, không đủ tiền để đi thành phố H nên N đã nảy sinh ý định lừa lấy xe máy điện của cháu C mang đi cầm cố lấy tiền. N bảo cháu C chở đến điểm đón xe ô tô khách để đi thành phố H thì cháu C đưa xe máy điện biển số 17MĐ2 - 098.23 của mình cho cháu H để chở N đi. Khi cháu H chở N đến ngã tư A, xã H thì N bảo cháu H dừng lại và nói dối là N vào nhà bạn có chút việc. Tin lời N, cháu H đã đưa xe cho N đi. Ngay sau đó N đã đi xe máy điện đến quán Garden Tea gặp anh H để cầm cố chiếc xe này lấy 1.500.000 đồng. Anh H hỏi xe của ai, N nói dối: “*Xe của đứa em em, em không mang giấy tờ nên mới cầm một triệu rưỡi*” thì anh H đồng ý nhận cầm cố. Để tránh bị cháu H biết việc cầm cố xe, N hẹn anh H lát sẽ quay lại rồi đi xe máy điện đến gặp cháu H và bảo cháu H chở N đến chợ C, xã X, huyện V. N bảo cháu H đứng đó đợi để N vào nhà bạn. Cháu H tin tưởng đưa xe cho N đi. N đi xe máy điện quay trở lại quán Gaden Tea giao xe cho anh H. Anh H yêu cầu N viết giấy mua bán xe và đưa cho N số tiền

1.500.000 đồng. Sau đó, N đón xe ô tô đi thành phố H, đến trưa ngày 21/5/2021 thì quay về tỉnh T. Số tiền 1.500.000 đồng cầm cố xe, N đã chi tiêu cá nhân hết; N không có tiền để chuộc xe trả lại cho cháu C. Hội đồng định giá tài sản xác định chiếc xe máy điện biển số 17MĐ2 - 098.23 của cháu C đã qua sử dụng, trị giá 4.300.000 đồng.

Cáo trạng số 46/CT-VKSVT, ngày 09/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh T đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hoài N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
- Áp dụng: Khoản 1 Điều 174 ; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Hoài N từ 09 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập.

- Về trách nhiệm dân sự: Cháu Ngô Cao C đã nhận lại chiếc xe máy điện biển số đăng ký 17MĐ2 - 098.23, không yêu cầu bồi thường thêm gì khác, nên không đặt ra giải quyết. Buộc Nguyễn Hoài N trả lại số tiền 1.500.000 đồng cho anh Nguyễn Quang H.

- Về vật chứng: Cơ quan điều tra quản lý 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi của cháu Ngô Cao C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của Nguyễn Hoài N. Những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho cháu C và ông Nguyễn Văn T (bố đẻ bị cáo Nam). Nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V. Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với:

Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của cháu Ngô Cao C, sinh ngày 20/11/2004 và cháu Phạm Quang H, sinh ngày 15/01/2005, cùng trú tại thôn L, xã V, huyện V (*Bút lục số 85 đến 95; 103 đến 110*);

- Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1996, trú tại thôn M, xã V, huyện V, (*Bút lục số 117, 128*); Biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Duy N, sinh năm 1988 và anh Vũ Minh H, sinh năm 1997, cùng trú tại thôn P, xã X, huyện V (*Bút lục số 103 đến 114; 129 đến 141*);

- Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập ngày 21/5/2021 và ngày 21/6/2021: anh Nguyễn Quang H giao nộp: 01 xe máy điện biển số đăng ký 17MD2 - 098.23 và 01 “Giấy mua bán xe” (*Bút lục số 07, 61*);

- Bản kết luận định giá tài sản số 21/KLHD ngày 25/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V (*Bút lục số 12*);

- Bản kết luận giám định số 34/KLGĐTL-PC09 ngày 13/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: Chữ ký và chữ viết trong “Giấy mua bán xe” là chữ ký và chữ viết của Nguyễn Hoài N (*Bút lục 63*); cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Chiều ngày 19/5/2021, do cần tiền chi tiêu cá nhân, Nguyễn Hoài N đã có hành vi gian dối, chiếm đoạt của cháu Ngô Cao C 01 (một) chiếc xe máy điện, biển số đăng ký 17MD2 - 098.23, trị giá 4.300.000 đồng rồi đi cầm cố cho anh Nguyễn Quang H để lấy 1.500.000 đồng chi tiêu cá nhân. N không có tiền để chuộc xe trả lại cho cháu C.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Hoài N đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

#### **Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*

b) *Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

c) *Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

d) *Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.*

2. ...

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

[3] Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Hoài Nam đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự theo như quan điểm của Kiểm sát viên đại diện cho VKS tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục và cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hoài N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hoài N phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định nên Tòa án không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp, đúng quy định.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Cháu Ngô Cao C đã nhận lại chiếc xe máy điện biển số đăng ký 17MĐ2 - 098.23, không yêu cầu bồi thường thêm gì khác, nên không đặt ra giải quyết.

Buộc Nguyễn Hoài N trả lại số tiền 1.500.000 đồng cho anh Nguyễn Quang H.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra quản lý 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi của cháu Ngô Cao C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của Nguyễn Hoài N. Những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho cháu C và ông Nguyễn Văn T (bố đẻ bị cáo N). Vì vậy không đặt ra giải quyết.

[9] Quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Quang H nhận cầm cố chiếc xe máy điện biển số đăng ký 17MĐ2 - 098.23, anh H không biết việc N thực hiện

hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Ngoài việc tố giác hành vi của Nguyễn Hoài N, cháu Ngô Cao C và người đại diện còn tố cáo anh Vũ Minh H, sinh năm 1997, trú thôn P, xã X, huyện V (là bạn của N), khi nhận lời giúp cháu C tìm N để đòi lại tài sản đã mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi của cháu C nhưng không trả. Quá trình điều tra, anh H đã giao nộp chiếc điện thoại này cho Cơ quan điều tra; việc anh H mượn điện thoại của cháu C để liên lạc tìm N, không có mục đích chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[10] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174 ; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Hoài N 01 ( Một ) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hoài N trả lại số tiền 1.500.000 đ ( Một triệu năm trăm nghìn đồng ) cho anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh T.

*Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả lãi phát sinh tính trên số tiền và thời gian chậm thi hành án, với mức lãi suất tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

4. Về vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Hoài N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện V;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện V;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Tòa án tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo;
- Bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HĐXX SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
( Đã ký )**

**Hà Toàn Thắng**

